

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/Vitamin/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH quốc tế Happy Vitamin

Địa chỉ: Số 60 ngõ 345 Khương Trung, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0985356533

Fax:

E-mail: hs.happyvitamin@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109506189

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

III. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KẼO MÚT HAPPY VITAMIN MULTI & CANXI

2. Thành phần: Thành phần: Đường, mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS330), xoài sấy khô, Canxi carbonat (canxi: 100mg /40g/5 que), hương xoài tổng hợp, 14 vitamin tổng hợp 0.3% 122mg/40g (Vitamin C 50mg, E 5mg, B2 2.5mg, B3 10mg, B5 7.5mg, B6 2.5mg, Biotin 100mcg, Acid folic 250mcg, B12 2.5mcg, K2MK7 30mcg, Iod 250mcg, Selen 50mcg, A 200iu, Vitamin D 250iu)

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đạt tối thiểu trên 80%, tối đa 120% giá trị ghi trên nhãn.

3. Ngày xuất; ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì. HSD 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 1 que 8g / 1 túi, 25 túi 1 hộp, 20 túi 1 hộp, 10 túi 1 hộp, đây 10 túi

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng gói bằng túi opp/mcopp, hộp giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế; que gắn sản phẩm làm bằng chất liệu giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):



Sản xuất tại: CÔNG TY EIKODO VIETNAM CO.,LTD Lô đất số J-2, KCN Thăng Long II, phường Dịch Vũ, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Số chứng nhận cơ sở đủ điều kiện Cơ sở ATVSTP Số: FSSC 792627 do BSI ASSURANCE UK LIMITED – BSI - Dịch Vụ Đảm Bảo cấp ngày: 07/08/2023.

III. Mẫu nhãn sản phẩm : có mẫu nhãn đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn sản phẩm (đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023.
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thùy Hằng





Report N°: 0000366187

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: November 25, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/11/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2311A-2111
Đơn hàng: 2311A-2111

CLIENT'S NAME : HAPPY VITAMIN INTER CO.,LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HAPPY VITAMIN

CLIENT'S ADDRESS : NO. 80 LANE 345 KHUÔNG TRUNG, KHUÔNG DINH WARD, THANH XUAN
Địa chỉ : DISTRICT, HANOI, VIETNAM
SỐ 80 NGÕ 345 KHUÔNG TRUNG, PHƯỜNG KHUÔNG ĐÌNH, QUẬN THANH XUÂN,
HÀ NỘI, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Happy Vitamin Kẹo mút Multi&canxi
Chủ thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/gười yêu cầu.

Sample description : Candy (approx. 736g) in full label plastic bags
Mô tả mẫu : Kẹo (khoảng 736g) chứa trong túi nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2311A-2111.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : November 21, 2023
Ngày nhận mẫu : 21/11/2023

Testing period : November 21, 2023 - November 24, 2023
Thời gian thử nghiệm : 21/11/2023 - 24/11/2023

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

158 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot 1021, SL 1815A, Group CN II, Tan Binh Z, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, Binh Si,
Tan Nuec 2 Z, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3835 1820 (84-28) 3835 1821 info@sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vietnam/Technical-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties in a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000366187

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amendment 1:2022	2.0x10 ⁴	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937:2004	<10	-	10	cfu/g	
4. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015	0	-	-	MPN/g	
5. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 2003.07	<10	-	10	cfu/g	
6. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	LFOD-TST-SOP-8837 (Symphony agar method)	<10	-	10	cfu/g	
7. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871: 2009	0.19	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
8. Total ash <i>Tro tổng</i>	AOAC 900.02	0.53	0.03	0.1	g/100g	
9. Moisture (70°C) <i>Độ ẩm (70°C)</i>	AOAC 925.45	2.81	0.1	0.35	g/100g	
10. Total carbohydrate <i>Carbohydrat tổng</i>	AOAC 986.25	98.47	-	-	g/100g	
11. Total fat <i>Béo tổng</i>	LFOD-TST-SOP-8249 (With acid hydrolysis)	<0.5	0.15	0.5	g/100g	
12. Total sugars (as sucrose) <i>Đường tổng (quy về sucrose)</i>	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	78.81	0.15	0.5	g/100g	
13. Energy - Viet Nam (VN) market <i>Năng lượng - Thị trường Việt Nam (VN)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)	357	-	-	kcal/100g	
14. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	
15. Cadmium (Cd) <i>Cadmi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	
16. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
MCN Laboratory: Lot 8171, St. 19/5A, Group CN 11, Tan Binh UZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St,
 Tra Noc 2 UZ, Phouc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 894-280 3636 1620 894-280 3905 1021 info@sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vietnam/conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and procedural issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not constitute proof in a transaction from existing all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
17. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	0.012	-	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- The methods/analytes remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
Phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones remarked with the superscript number one (¹) were performed at Can Tho location), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and remarked with two asterisks (**).
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với số một bên trên (¹) được thực hiện tại Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu với hai sao (**).*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (VN) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ, except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or <10 cfu/mL if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g or <1 cfu/mL if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g or <100 cfu/mL for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/1g or 0 MPN/1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đếm đĩa với hệ số pha loãng ban đầu 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g hoặc <10 cfu/mL nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g hoặc <1 cfu/mL nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g hoặc <100 cfu/mL đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/ diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyễn Thị Minh Khai St., Võ Thị Sáu Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot 80/1, St. 18/5A, Group CN18, Tân Bình Z, Tây Thạnh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 08 St,
Tre Nao 2 1/2, Pháo Đài Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-26) 3825 1920 (84-26) 3825 1921 sgs@sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/forTermsandConditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and while the facts or client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not constitute parties to a transaction then existing all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000366187

Page N° 4/5

định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở đây ông có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở đây ông có nồng độ cao nhất) hoặc <1.0 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đây ông có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



25-C
TV
NI
H2H
K5 CV

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
MCM Laboratory, Lot B021, St. 19/5A, Group CN II, Tan Binh IC, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory, Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phao Thoi Ward, O Muoi Dist., Can Tho City, Vietnam
894-281 3035 1820 894-281 3038 1821 sgs@sgs.vn



SGS

Report N°: 0000366187

Page N° 5/5

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Kinh Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

108 Nguyễn Thị Minh Khai St., Võ Thị Sáu Ward, Dist.3, Hồ Chí Minh City, Vietnam
SCM Laboratory: Lot B021, St. 18/04, Group CH II, Tân Bình St., Tây Thạnh Ward,
Tân Phú Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Cần Thơ Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Cần Thơ, 861 St.,
Trà Nóc 3 St., Phước Thới Ward, Ô Môn Dist., Cần Thơ City, Vietnam
(94-38) 3635 1920 (94-38) 3635 1921 info@sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <https://www.sgs.com/en/conditions-of-service>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original unless the wording of UPCF 600. Any holder of the document is advised that information contained therein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not constitute parties to a transaction their accepting of their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.